

028Hở sơ chứng nhận số Certification File n°	CHỨNG NHẬN CHO DOANH NGHIỆP - COMPANY CERTIFICATION <i>Thư yêu cầu Application form / Company Identity Card</i>
---	---

Điều 1. Thông Tin Chung - COMPANY DETAILS

Corporate Name: Please specify legal status Tên trên Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp	TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		
VAT code / Mã số thuế của doanh nghiệp	0302483515		
Affiliation to a Group: Thành viên của tập đoàn			
Sector of activity: Lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp	Education	Activity code: NACE code Mã ngành nghề theo European code	37
Address: (Address, post code, city, country) Số nhà, tên đường, Phường, Quận, Thành phố, Quốc gia	390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh 390 Hoàng Văn Thụ street, Ward 4, Tân Bình district, HO CHI MINH CITY, VIET NAM		
Office Tel / ĐT văn phòng công ty	(+84-28) 38 11 05 21	Company 's email / E-mail của Công ty	lytutrong@lttc.edu.vn
Name of legal representative: Họ tên của người đại diện pháp luật	Mr Phạm Hữu Lộc	Job title Chức vụ	RECTOR / Hiệu Trưởng
Name of contact Họ tên người liên hệ	Mrs Trần Kim Thu Liễu		
Hand phone / ĐTDĐ	012 2874 7055	Office Tel:	028 5449 0595
		E-mail	trankimthulieu@lttc@edu.vn

Điều 2. HTQL xin cấp chứng nhận - REQUESTED MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATION SCHEME

2.1 Audit standard / Tiêu chuẩn đánh giá

☒ Quality **Chất lượng** (ISO 9001:2015)

(please describe exclusions, eg. design.../ xin mô tả các điều khoản đã loại trừ, ví dụ như thiết kế ...):

☐ Environment **Môi trường** (ISO 14001:2015)

☐ Safety **An toàn** (OHSAS 18001) ☐ Energy **Năng lượng** (ISO 50001:2011)

☐ Aerospace **Không gian vũ trụ** (AS 9100) ☐ Aerospace **Không gian vũ trụ** (EN 9110) ☐ Aerospace **Không gian vũ trụ** (EN 9120)

☐ Medical **Y học** (ISO13485/13488) ☐ TickIt **Chất lượng phần mềm** ☐ Automotive **Công nghiệp xe hơi** (ISO/TS 16949)

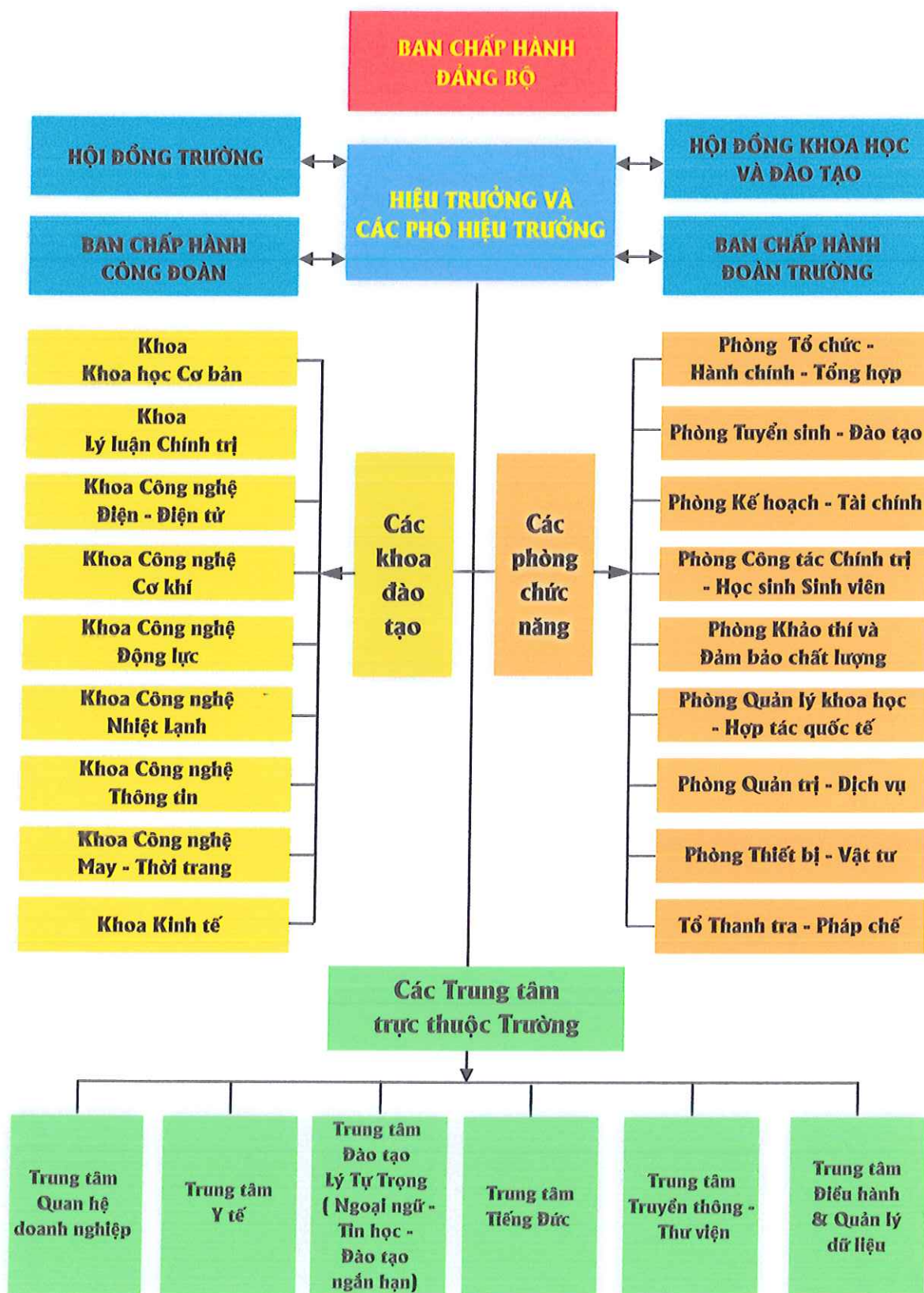
☐ EMAS **Đánh giá hệ sinh thái chuẩn EU** ☐ ISO 22000 **HTQL An toàn Thực phẩm** ☐ FSSC 22000 **Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm**

☐ ISO 20000 **HTQL dịch vụ CNTT** ☐ ISO 27000 **HTQL An toàn Thông tin**

☐ Other standard **Tiêu chuẩn khác** :

2.2 Date wished for certification / Ngày dự định đánh giá chứng nhận : 10/09/2018

2.3 .Please send an organization chart of the company / Xin gửi kèm theo Sơ đồ tổ chức của công ty.



2.4. Please provide a brief description of the products/services realized by your company / Xin mô tả tóm tắt **các sản phẩm / các dịch vụ** của Quý công ty :

Applied degrees combine theoretical learning and applied training that is associated with a college diploma.

Các bậc đào tạo nghề kết hợp giữa học lý thuyết và đào tạo thực hành với mục đích đạt được Bằng Cử nhân Cao đẳng.

2.5. Are some activities excluded from you certification scope/perimeter? **Quý công ty có loại trừ hoạt động nào khỏi địa điểm/ phạm vi chứng nhận không ?**

Certificate programs, shorter in length than a diploma program, are excluded from our certification scope.

Các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ, có thời gian đào tạo ngắn hơn chương trình cử nhân cao đẳng, được loại trừ khỏi địa điểm và phạm vi chứng nhận.

KHÔNG ÁP DỤNG / NOT APPLICABLE

(for the aerospace standards, please indicate the scope of the activities for each site / đối với các

2.6. Wording of the certification scope, this should be reflected on the certificate following a successful assessment / Phạm vi cấp chứng nhận, điều này sẽ được ghi trong chứng chỉ sau khi cuộc đánh giá thành công:

PROVISION OF COLLEGE DEGREE PROGRAMS IN THE FIELD OF MECHANICAL ENGINEERING, ELECTRICAL ELECTRONICS ENGINEERING, AUTOMOTIVE TECHNOLOGY AND INFORMATION TECHNOLOGY.

CUNG CẤP CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN CAO ĐẲNG TRONG LÃNH VỰC CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ; CÔNG NGHỆ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ; CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.

(for the aerospace standards, please indicate the scope of the activities for each site / đối với các tiêu chuẩn không gian vũ trụ, xin ghi rõ phạm vi hoạt động của mỗi địa điểm)

KHÔNG ÁP DỤNG / NOT APPLICABLE

2.7 Do you need any logo on your certificate / **Quý công ty cần có logo nào sau đây in trên chứng chỉ ?**

☒ COFRAC **Cơ quan công nhận Pháp** ☐ UKAS **Cơ quan công nhận Anh** ☐ TUNAC **Cơ quan công nhận Tunisia**

Điều 3 – Hệ thống quản lý khác – Other Management Systems

3.1 Have you ever set up another management system / **Quý doanh nghiệp có xây dựng hệ thống quản lý nào chưa?**

☐ YES *

☒ NO

[*] If yes, please give details (standard, set up date, certification....) and answer item No 3.2

[*] Nếu có, xin khai chi tiết (tiêu chuẩn, ngày áp dụng, chứng nhận....) và trả lời hạng mục số 3.2

3.2 Definition of the Integrated Management System: A single management system managing multiple aspects of organizational performance to meet the requirements of more than one management standard

Định nghĩa Hệ thống Quản lý Tích hợp: Doanh nghiệp chỉ có một hệ thống quản lý nhiều mặt hoạt động để đáp ứng cùng lúc các yêu cầu của hai hoặc nhiều tiêu chuẩn

Please check the different characteristics of your Management System / Xin đánh dấu các đặc điểm khác nhau về Hệ thống Quản lý của quý vị:

a. An integrated documentation set, including work instructions to a good level of development, as appropriate / **Có chung một bộ tài liệu, kể cả các hướng dẫn công việc cho mỗi cấp và chức năng** ☐

- b. Management Reviews that consider the overall business strategy and plan **Các cuộc họp xem xét của Lãnh đạo chú trọng kế hoạch tổng thể và chiến lược kinh doanh** ☐
- c. An integrated approach to internal audits / **các cuộc đánh giá nội bộ có chung một cách tiếp cận** ☐
- d. An integrated approach to policy and objectives / **các mục tiêu và chính sách có chung một cách tiếp cận** ☐
- e. An integrated approach to systems processes **Các quá trình có chung một cách tiếp cận** ☐
- f. An integrated approach to improvement mechanisms (corrective action; measurement and continual improvement) **Cơ chế cải tiến (hành động khắc phục, đo lường và cải tiến liên tục) có chung một cách tiếp cận** ☐
- g. Integrated management support and responsibilities **Phân công quản lý và trách nhiệm chung** ☐
- 3.3 Have you been in contact with any organization during the last 2 years / Quý doanh nghiệp có liên hệ với tổ chức nào trong 2 năm gần đây không?**

☒ YES * ☐ NO

[*] If yes, please specify the agency name and people's name, which were involved in these activities.

[*] nếu có, xin cho biết tổ chức nào và họ tên của người liên hệ, có liên quan đến các hoạt động kê khai ở trên.

ASIA SOCIETY FOR SOCIAL IMPROVEMNET AND SUSTAINABLE TRANSFORMATION (ASSIST) – Mr ARU

**Điều 4 – Danh sách các địa điểm và Cách tổ chức các quá trình, nhân sự.
– List of the sites and Organisation for human resources and processes**

Number of sites concerned by the certification / **số địa điểm thuộc phạm vi chứng nhận: 1**

Total number of employees / **Tổng số nhân viên: 246**

ITEMS Hạng mục	1st site Địa điểm thứ nhất	2 nd site Địa điểm thứ hai	3 rd site Địa điểm thứ ba
Name of the site / Tên gọi trên giấy ĐĂNG KÝ KINH DOANH	LY TƯ TRỌNG COLLEGE		
Address / Địa chỉ	390 Hoàng Văn Thụ street, Ward 4, Tân Bình district, HO CHI MINH CITY, VIET NAM		
Main activities / Hoạt động chính	APPLIED DEGREE TRAINING; ADMINISTRATION.		
Total number of employees related to certified activities / Tổng số nhân viên liên quan đến phạm vi chứng nhận * <i>(to be detailed for each specific standard / cần ghi chi tiết cho mỗi tiêu chuẩn đặc biệt)**</i>	152		
Apprentice / Số nhân viên đang học việc	0		
Temporary worker / Số nhân viên thời vụ	0		
Trainer, Sale & Marketing staff / Số nhân viên tiếp thị & bán hàng; phụ trách đào tạo	33		
Number of employees in the support functions eg .Design, planning, purchasing, quality, HR...) / số nhân viên hỗ trợ bao gồm thiết kế & hoạch định, thu mua, kho vận, chất lượng, quản lý nhân sự . . .):	30		

Number of employees in manufacturing /production / provision of services / số nhân viên trực thuộc sản xuất / chế tạo / cung ứng dịch vụ	17		
Unskilled labour / Số lao động phổ thông hoặc tạp vụ	0		
If the production is organized in shifts for continuous activity, specify number of employees and shifts, please precise / Nếu hoạt động sản xuất / chế tạo có làm việc theo ca, xin cho biết số nhân viên đi ca và số ca trong một ngày	0		
Number of employees with 2 shifts x 8 hrs Số nhân viên làm theo 2 ca X 8 tiếng	0		
Number of employees with 2 shifts x 12 hrs or 3 shifts x 8 hrs Số nhân viên làm theo 2 ca X 12 tiếng hoặc 3 ca x 8 tiếng	0		
Number of employees with 3 shifts x 8 hrs Số nhân viên làm theo 3 ca x 8 tiếng	0		
Number of employees with 4 shifts x 8 hrs Số nhân viên làm theo 4 ca x 8 tiếng	0		
Number of employees with 5 shifts x 8 hrs Số nhân viên làm theo 5 ca x 8 tiếng	0		

* **For ISO/TS 16949 certification:** Total number of employees related to certified activities (including permanent, part time, contract, average number of daily workers for the previous six (6) month period, and temporary employees) / Tổng số nhân viên liên quan đến phạm vi chứng nhận (kể cả Lao động biên chế, bán thời gian, có hợp đồng, bình quân số lao động của 6 tháng trước và số lao động mùa vụ) .

NOT APPLICABLE / KHÔNG ÁP DỤNG

** **For EN 9100 / 9110 / 9120:** it is possible that number of people for ISO 9001 is more important than for EN 9100. In this case, please detail the number of people for each / Nếu hệ thống ISO 9001 có nhiều nhân viên hơn hệ thống EN 9100, xin cho biết số người trong mỗi hệ thống.

NOT APPLICABLE / KHÔNG ÁP DỤNG

Does your activity lead you to have any activities outside of your infrastructure: building sites, temporary agencies or offices, facilities on customer premises, etc / Để tạo ra sản phẩm, Doanh nghiệp có hoạt động nào thực hiện bên ngoài địa điểm đăng ký kinh doanh không? ví dụ: công trường, văn phòng tạm, địa điểm do bên khách hàng chỉ định?

Please describe these activities and the number of locations covered / Xin mô tả các hoạt động này và số địa điểm tương ứng với hoạt động đó

NOT APPLICABLE / KHÔNG ÁP DỤNG

Are any of your activities subcontracted / Khi tạo ra sản phẩm Doanh nghiệp có dùng nhà thầu phụ không?

☒ No ☐ Yes If yes, please describe the subcontracted activities / Nếu có, xin mô tả công việc giao nhà thầu phụ làm.

Please specify if your activity is submitted to seasonal fluctuations in number of employees or volume of activity / Xin cho biết hoạt động của quý Doanh nghiệp có biến động theo mùa vụ về số lao động hoặc về khối lượng hay không.

NOT APPLICABLE / KHÔNG ÁP DỤNG

Please return this document to / Xin gửi lại cho chúng tôi thư này đến địa chỉ:

AFNOR Vietnam
Tầng 2, Khu B2, 81-83 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, VIỆT NAM
T. (84-8)- 38200 749 – F. (84-8)- 38200 750
Người liên hệ: Lê Thị Mỹ Hạnh Vietnam@afnor.org

Name and Job position / Họ tên và chức vụ: Mr Phạm Hữu Lộc RECTOR

Date and signature / Ngày và chữ ký: 6/18/2018

COMPANY STAMP IS MANDATORY / BẮT BUỘC ĐÓNG DẤU CỦA DOANH NGHIỆP



PHỤ LỤC CỦA THƯ YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

Hồ sơ chứng nhận số:

Điều 4 – Danh sách các địa điểm và Cách tổ chức các quá trình, nhân sự.

Total number of employees related to certified activities Tổng số nhân viên liên quan đến phạm vi chứng nhận		
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN / LEADERS		SỐ NGƯỜI
1	Ban Giám Hiệu / Board of Rectors	4
PHÒNG CHỨC NĂNG / OFFICE DEPARTMENT		
2	Tổ chức - Hành chính -Tổng hợp / HR -Admin- General Affairs	8
3	Kế hoạch -tài chính / Finance & Accounting	2
4	Tuyển sinh -Đào tạo / Admission -Training	11
5	Thiết bị-Vật tư / Machinery - Materials	3
6	Quản trị -Dịch vụ / Infrastructure maintenance -Servicing / IT	8
7	Thanh tra giáo dục-Công tác sinh viên Internal audit -Student Development & Counselling	6
8	Khảo thí và đảm bảo chất lượng / Testing and quality assurance	5
KHOA CƠ KHÍ / FACULTY OF MECHANICAL ENGINEERING		
9	Bộ môn	25
KHOA ĐIỆN -ĐIỆN TỬ / FACULTY OF ELECTRICAL ELECTRONICS ENGINEERING		
10	Bộ môn	32
KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC / FACULTY OF AUTOMOTIVE TECHNOLOGY		
11	Bộ môn	17
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN / FACULTY OF INFORMATION TECHNOLOGY		
12	Bộ môn	24
TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG - THƯ VIỆN / CENTRE OF COMMUNICATION & MARKETING - LIBRARY		
13	Chuyên viên	2
14	Thư viện viên	1
TRUNG TÂM Y TẾ / CENTRE OF HEALTH CARE		
15	Bác sỹ	1
16	Y tá	1
TRUNG TÂM QUAN HỆ DOANH NGHIỆP / CENTRE OF INDUSTRY PARTNERSHIPS		
17	Bộ phận việc làm	2
TỔNG CỘNG		152